

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/11/2021
V/v “Ly hôn, t/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/4/2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 179/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2021/QĐ-ST ngày 01/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trịnh Thị Hồng T, sinh năm 1973.

- Bị đơn: anh Trần Thanh H, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: số 062 ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn chị T có mặt. Bị đơn anh H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trịnh Thị Hồng T trình bày:

Chị với anh Trần Thanh H chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Đến giữa năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không chăm lo kinh tế cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, đánh bài gây nợ từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng vì con và cho anh H nhiều cơ hội để sửa đổi

nhưng không có kết quả. Nhận thấy không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị đã quyết định về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng cũng chính thức ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm không còn, không muốn hàn gắn lại nên chị T yêu cầu giải quyết như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: chị Trịnh Thị Hồng T xin được ly hôn với anh Trần Thanh H.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Thanh Â sinh ngày 15/8/1993 (đã trưởng thành) và Trần Thanh C sinh ngày 29/5/2004. Sau ly hôn con muốn sống với ai thì người đó nuôi, không cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- Bị đơn anh Trần Thanh H: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho anh H nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh H vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời hạn chuẩn bị xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Quá trình thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ khi tiến hành lập hồ sơ vụ án, thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các thông báo và quyết định, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, lần thứ hai không có lý do chính đáng đã từ bỏ quyền của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Thanh H và chị Trịnh Thị Hồng T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Châu cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng do chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

Chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con. Bị đơn anh Trần Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

[1.2] Bị đơn anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Trịnh Thị Hồng T và anh Trần Thanh H chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không quan tâm vợ con, chơi bài gây ra nợ, không phụ giúp vợ lo kinh tế cho gia đình. Do không còn tình cảm và không muốn hàn gắn lại nên chị T xin được ly hôn với anh H. Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”. Như vậy, mặc dù chị T và anh H đã chung sống với nhau một thời gian dài và có con chung nhưng về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa anh chị là vợ chồng nên việc chị T yêu cầu ly hôn với anh H là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị Hồng T và anh Trần Thanh H.

[2.2] Về quan hệ con chung, thấy: Qua chứng cứ chị T cung cấp thì chị T và anh H có với nhau hai con chung tên Trần Thanh Â sinh ngày 15/8/1993 (đã trưởng thành) và Trần Thanh C sinh ngày 29/5/2004. Tại “Tờ tự khai” ngày 12/7/2021 gửi cho Tòa án, nguyện vọng của cháu Châu là được sống cùng mẹ (chị T) sau khi cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ áp dụng Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung Thanh C cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: ghi nhận không có.

[3] Từ những phân tích trên, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, các yêu cầu khác được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Về án phí: chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 9, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Thị Hồng T và Trần Thanh H.

- Về quan hệ con chung:

Chị Trịnh Thị Hồng T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Thanh C sinh ngày 29/5/2004.

Anh Trần Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T phải tạo điều kiện cho anh H được quyền đến thăm nom con, không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận không có. Tuy nhiên sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Trịnh Thị Hồng T và Trần Thanh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: chị Trịnh Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008304 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên đã nộp xong.

Chị Trịnh Thị Hồng T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cơ trú để yêu cầu xem xét phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm